

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 6 - 2020

V/v ly hôn giữa:

chị H và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang;

Ông Nguyễn Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm 17, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Anh Trần Văn D đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 33/2019/QĐST-DS, ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, chị H và anh D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn D tự nguyện tìm và kết hôn, đã đăng ký kết hôn ngày 22/7/2003 tại UBND xã X. Trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh mâu

thuần, cãi chửi nhau do tính tình, lối sống không hòa hợp. Mặt khác, anh D nghiện ma túy, không chịu khó làm ăn và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Gia đình hai bên cũng đã động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Từ tháng 11/2012, anh D đã bỏ nhà đi, không có tin tức gì. Ngày 22/11/2019. Tại Quyết định số 33/2019/QĐDS-ST ngày 22/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã tuyên bố anh D mất tích. Kể từ khi Tòa án tuyên bố anh D mất tích đến nay, chị vẫn không nhận được thông tin nào của anh D. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn D.

Về việc nuôi con: Chị và anh Trần Văn D có 02 con chung là Trần Thế D, sinh ngày 17/01/2004 và Trần Bảo L, sinh ngày 28/4/2012, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với anh Trần Văn D; giao 02 con chung Trần Thế D, sinh ngày 17/01/2004 và Trần Bảo L, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn D là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách, lối sống không hợp, bất đồng quan điểm; anh D còn nghiện ma túy và ngoại tình. Anh Trần Văn D biệt tích nhiều năm, Quyết định số 33/2019/QĐDS-ST, ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tuyên bố anh D mất tích đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Trần Văn D theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự.

[3] Về việc nuôi con chung: Hai cháu Trần Thế D, sinh ngày 17/01/2004

và Trần Bảo L, sinh ngày 28/4/2012, hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng; các con có nguyện vọng ở với chị H; anh D đã bị mất tích. Vì vậy, Hội đồng xét xét giao cháu D và cháu L cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 và các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn D.
2. Về việc nuôi con: giao hai con chung là Trần Thế D, sinh ngày 17/01/2004 và Trần Bảo L, sinh ngày 28/4/2012 cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của của chị Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0001725 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.
4. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng hợp hợp lệ; anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh